

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh tế tri thức xuất hiện từ hơn hai thập niên qua. Các nền kinh tế phát triển trên thế giới đang chuyển sang kinh tế tri thức với những thay đổi sâu sắc về cách thức hoạt động sản xuất kinh doanh, cách tổ chức quản lý, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ...

Ngày nay hầu hết các quốc gia trên thế giới đều nhận thấy rằng đường lối, chiến lược phát triển kinh tế tri thức là một yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại trong quá trình phát triển kinh tế của một đất nước. Trong đó, công nghệ thông tin đang góp phần thúc đẩy nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ.

“Làm sao để thiết kế một hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả?” không chỉ là mục đích nghiên cứu của một môn học mà đang trở thành vấn đề cấp thiết trong tất cả các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan quản lý với xu hướng kinh tế toàn cầu hóa hiện nay. Là những công dân sống trong thời đại vũ bão của cách mạng công nghệ thông tin, hằng ngày tương tác với các hệ thống quản lý nhưng chỉ đến khi nhận được sự truyền đạt kiến thức từ thầy Nguyễn Văn Năm, chúng em mới có được những kiến thức nền tảng để phân tích hệ thống thông tin quản lý và hình thành phương pháp tư duy, thiết kế.

Nhóm 05, VB2, Khoa Quản trị kinh doanh tổng hợp muốn áp dụng những kiến thức đã tiếp thu được vào việc “Phân tích nghiệp vụ quản lý kho”.

Do trình độ và thời gian có hạn, bài viết không tránh khỏi những thiếu sót, chúng em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy và các bạn.

Một lần nữa nhóm chúng em xin cảm ơn thầy, chúc thầy nhiều sức khỏe.

MỤC LỤC

Trang

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
NỘI DUNG.....	3-21
CHƯƠNG I: Lý do lựa chọn đề tài & phương pháp nghiên cứu	3-4
1.1 Lý do lựa chọn đề tài.	3
1.2 Phương pháp nghiên cứu	3
CHƯƠNG II: Phân tích nghiệp vụ quản lý kho	5-22
2.1 Tổng quan về hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp ...	5-8
2.1.1 Định nghĩa	5
2.1.2 Vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp	6
2.1.3 Quy trình tổ chức hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp	7
2.2 Phân tích nghiệp vụ quản lý kho.....	8-23
2.2.1 Nghiệp vụ nhập kho.....	8
2.2.2 Nghiệp vụ xuất kho	12
2.2.3 Nghiệp vụ kiểm kê	17
2.2.4 Nghiệp vụ báo cáo	18
CHƯƠNG III: Ý nghĩa của việc phân tích nghiệp vụ quản lý kho.....	23
KẾT LUẬN	25
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	30

CHƯƠNG I:

Lý do lựa chọn đề tài & phương pháp nghiên cứu

1.1 Lý do lựa chọn đề tài

Quản lý kho là hoạt động có ở tất cả các tổ chức từ các cơ sở kinh doanh đến cơ quan nhà nước. Tùy theo ngành nghề hoạt động và qui mô tổ chức mà mô hình kho và cách thức vận hành sẽ khác nhau nhưng tất cả đều được đặt vào cùng một bài toán quản lý: làm sao để quản lý số lượng hàng hóa trong kho (số lượng nhập, xuất, tồn) với ít thời gian, chi phí và công sức nhất.

Nhóm chúng em quyết định chọn đề tài tiểu luận: “Phân tích nghiệp vụ quản lý kho” vì tính phổ biến của hoạt động quản lý kho, dễ dàng cho việc tiếp cận nghiên cứu của 9 thành viên trong nhóm với 9 ngành nghề chuyên môn khác nhau đồng thời đề tài cũng mang tính ứng dụng cao vào hoạt động thực tiễn dưới góc độ xây dựng hệ thống thông tin quản lý, chứ không đi sâu phân tích một ngành nghề chuyên môn quản lý kho.

Trong sự hạn chế của một tiểu luận nhóm và kiến thức về công nghệ thông tin, chúng em chỉ dừng lại ở việc phân tích nghiệp vụ quản lý kho- bước đầu tiên và quan trọng, làm nền tảng cho việc thiết kế một hệ thống thông tin quản lý kho hiệu quả.

1.2 Phương pháp nghiên cứu:

- a) Phương pháp tiếp cận hệ thống: xem xét hệ thống trong tổng thể vốn có của nó, một cách toàn diện trong mối quan hệ giữa nội tại hệ thống với các yếu tố bên ngoài
- b) Phương pháp thu thập thông tin cho quá trình phân tích:
 - Nghiên cứu tài liệu về hệ thống
 - Quan sát các hệ thống hiện tại
 - Phân tích các chức năng

c) Phương pháp xây dựng sơ đồ:

1.Sơ đồ chức năng (BFD-Business Function Diagram): là công cụ mô hình đầu tiên trong tiến trình phân tích, nó xác định ranh giới hệ thống Xây dựng sơ đồ chức năng là quá trình phân tán từ một chức năng lớn (ở cấp cao) được phân chia thành những phần thích hợp nhỏ hơn (các cấp thấp hơn) theo cấu trúc hình cây

2.Sơ đồ dòng dữ liệu (DFD- Data Flow Diagram): chỉ ra các thông tin chuyển vận từ một quá trình/ chức năng này trong hệ thống sang một quá trình/ chức năng khác, đồng thời chỉ ra thông tin nào cần phải có trước khi cho thực hiện một hàm hay một quá trình

3.Sơ đồ ngữ cảnh : được dùng để tạo ra biên giới của hệ thống là một vòng tròn quá trình trung tâm biểu thị toàn bộ hệ thống đang nghiên cứu được nối với mọi tác nhân ngoài của hệ thống

4.Sơ đồ logic: để chỉ ra những điều khiển của quá trình ra quyết định.

d) Phương pháp xây dựng mô hình dữ liệu:

***Mô hình hóa thực thể:**

Mô hình thực thể là mô hình dữ liệu logic được xây dựng dựa trên :

1.3 Thực thể: là đối tượng sự kiện đối với tổ chức (bao gồm cả những thông tin mà nó lưu trữ).

1.4 Kiểu thực thể: là tập hợp các thực thể có cùng tính chất, mô tả cho một loại thông tin

1.5 Thuộc tính: là đặc trưng của mỗi thực thể, có 3 loại: thuộc tính khóa (một hoặc nhiều thuộc tính trong một tập thực thể được dùng để gán cho một thực thể tham trở duy nhất), thuộc tính mô tả (thông thường các thuộc tính trong tập thực thể đều là thuộc tính mô tả, tập hợp lại sẽ làm tăng hiểu biết đầy đủ về thực thể), thuộc tính kết nối

1.6 Mối quan hệ có 3 kiểu mối quan hệ: một-một (1-1), một-nhiều (1-n), nhiều-nhiều (n-n)

***Xây dựng mô hình dữ liệu:** sau khi xác định các mối quan hệ, tiến hành xây dựng mô hình quan hệ, loại bỏ những quan hệ phụ để làm trong sáng mô hình

CHƯƠNG II:

Phân tích nghiệp vụ quản lý kho

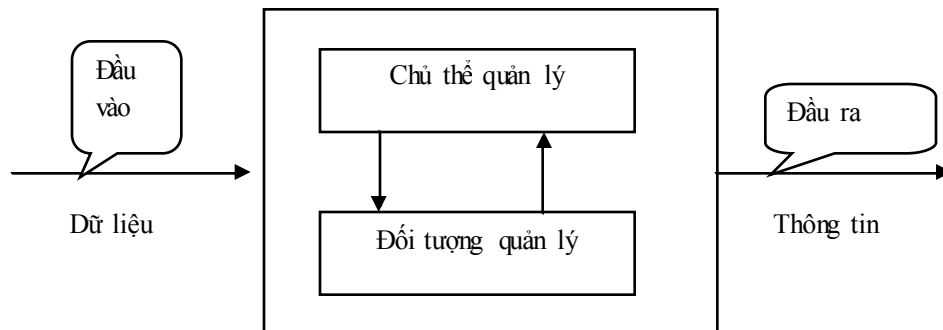
2.1 Tổng quan về hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp

2.1.1 Định nghĩa

Hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp là một nhóm các thành tố tác động lẫn nhau nhằm cung cấp thông tin cho các nhà quản lý ra quyết định, bao gồm 3 bộ phận quan trọng là dữ liệu-thông tin, quá trình quản lý và nhà quản lý.

Trong đó, quan trọng nhất là dữ liệu-thông tin. Dữ liệu là đầu vào và đầu ra trong hệ thống thông tin quản lý, cung cấp thông tin cho nhà quản lý ra quyết định.

Hệ thống thông tin quản lý



Do đó, dữ liệu càng được xử lý tốt thì càng trở thành công cụ hiệu quả phục vụ tốt cho việc ra quyết định của nhà quản lý. Trước đây khi chưa có máy tính hay công nghệ thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp đã xuất hiện nhưng chỉ đến khi công nghệ thông tin phát triển thì dữ liệu được thu thập và xử lý hiệu quả phục vụ đắc lực cho các nhà quản lý nên ngày nay khi nói đến hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp là nói đến hệ thống thông tin trên máy tính.

Ta có thể hiểu:

“Hệ thống thông tin quản lý là một hệ thống gồm các thiết bị (phần cứng, phần mềm,...), con người (người chuyên môn về hệ thống thông tin, nhà quản lý,...), dữ liệu, thông tin và các quy trình, tổ chức nhằm cung cấp thông tin cho các nhà quản lý ra quyết định”

Hoặc:

“Hệ thống thông tin quản lý trên máy tính (hay hệ thống thông tin quản lý tin học hóa) là hệ thống thông tin bao gồm con người, các quy trình, dữ kiện, chương trình và các máy tính nhằm cung cấp thông tin cho các nhà quản lý ra quyết định”

2.1.2 Vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp

Các chức năng cơ bản của quản trị doanh nghiệp bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Hệ thống thông tin quản lý đã trở thành một công cụ hiệu quả trong quá trình quản trị.

✓ Trong hoạch định:

Hoạch định là quá trình xác lập mục tiêu, xác định các nguồn lực và cách thức đạt được mục tiêu đó.

Mục tiêu đề ra phải được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu và các chỉ tiêu này phải đo lường được.

Để đạt được mục tiêu dài hạn đó, nhà lãnh đạo cần có nhiều thông tin về tương lai và những thông tin hiện tại; thông tin tương lai phụ thuộc vào kiến thức, trình độ, kinh nghiệm của nhà quản lý còn hệ thống thông tin quản lý cung cấp các thông tin hiện tại (chủ yếu từ công ty, doanh nghiệp, một phần từ ít bên ngoài) và dựa vào đó có thể dự báo cho tương lai.

Hệ thống thông tin quản lý còn có thể giúp lập kế hoạch tối ưu làm thế nào để đạt được các mục tiêu.

✓ Trong quá trình tổ chức:

Quá trình tổ chức là quá trình phân chia công việc ra thành nhiều phần việc khác nhau và phối hợp các phần việc đó để hoàn thành một hoặc nhiều mục tiêu. Hệ thống thông tin quản lý giúp tổ chức, phân công công việc cho các

nhóm người và thiết lập một tiến độ thực hiện chung nhằm đạt được hiệu quả cao nhất, tối ưu nhất.

✓ Trong lãnh đạo:

Lãnh đạo là chỉ huy nhân tố con người sao cho tổ chức đạt đến mục tiêu. Nó bao gồm việc chỉ định đúng tài nguyên và cung cấp một hệ thống hỗ trợ hiệu quả. Một trong những vấn đề quyết định trong công tác lãnh đạo là tìm được sự cân bằng giữa yêu cầu của nhân sự và hiệu quả sản xuất. Hệ thống thông tin quản lý giúp thu thập và xử lý thông tin về tài nguyên để giúp nhà quản lý biết cách cân bằng giữa yêu cầu nhân sự để đạt được hiệu quả sản xuất

✓ Trong quá trình kiểm soát:

Kiểm soát là quá trình quan sát hoạt động công việc, so sánh kết quả thực hiện với mục tiêu dự tính (kết quả dự định đã lượng hóa) và sửa chữa khi cần thiết. Như vậy, vấn đề kiểm soát liên quan đến:

- Mục tiêu hoặc tiêu chuẩn đã đưa ra.
- Sự quan sát và đo lường hoạt động của công việc (thu nhập số liệu trong quá trình tổ chức thực hiện).
- Phải có cách sửa chữa khi thực tế sai lệch so với kế hoạch.

Hệ thống thông tin quản lý sẽ tiến hành so sánh giữa thông tin thực hiện thực tế vừa thu nhập với mục tiêu kế hoạch đã đưa ra, từ đó phân tích độ lệch. Các thông tin về độ lệch sẽ giúp nhà quản lý đánh giá việc thực hiện kế hoạch, bản thân kế hoạch và có những kiến nghị, biện pháp sửa chữa, uốn nắn kịp thời.

Hệ thống thông tin quản lý đã góp phần đem lại hiệu quả quản trị

2.1.3 Quy trình tổ chức hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp

Các bước cơ bản để xây dựng hệ thống thông tin quản lý:

1. Tiếp cận hệ thống
2. Phân tích chức năng đến mô hình hóa
3. Thiết kế hệ thống

Trong đó việc tiếp cận hệ thống là bước sơ khởi trong quá trình xây dựng một hệ thống quản lý với nhiệm vụ thu thập thông tin. Phân tích chức năng và mô hình hóa là quá trình xử lý thông tin đóng vai trò chủ đạo trong cả quy trình thiết kế. Để có được

một hệ thống thông tin quản lý hiệu quả thì cơ sở dữ liệu-kết quả của quá trình phân tích chức năng và mô hình hóa phải đảm bảo được tính chính xác, kịp thời, thích hợp và có hệ thống để vừa mang lại hiệu quả quản lý vừa mang tính kinh tế.

2.2 Phân tích nghiệp vụ quản lý kho

Để thiết kế một hệ thống thông tin quản lý kho, nhà quản lý phải phân tích thật chính xác các nghiệp vụ trong quản lý kho, từ đó mới định hình được hệ thống quản lý phải được thiết lập như thế nào để đáp ứng đầy đủ những nhu cầu nghiệp vụ với chi phí thấp nhất và hiệu quả cao nhất.

Trong khuôn khổ của tiểu luận này chúng em chỉ phân tích 4 nghiệp vụ chính của quản lý kho (chứa hàng hóa thành phẩm) bao gồm: nhập kho, xuất kho, kiểm kê và báo cáo.

2.2.1 Nghiệp vụ nhập kho:

a. Mô tả nghiệp vụ:

- Thủ kho chú ý nguyên tắc số lượng trên hóa đơn phải khớp với số lượng order (không được vượt quá số lượng order) Hàng đúng chủng loại, quy cách
- Thủ kho căn cứ vào hóa đơn nhận sẽ làm phiếu nhập kho, phiếu nhập kho gồm có 3 liên (đầy đủ chữ ký của thủ kho, bảo vệ, giám đốc):
 - i. Liên 1: Thủ kho giữ làm chứng từ vào thẻ kho.
 - ii. Liên 2: Gửi lên phòng kế toán để theo dõi song song với kho
 - iii. Liên 3: Bảo vệ giữ một bản để kiểm tra vào sổ theo dõi trực tình hình hàng hóa ra vào công ty. Cuối ngày tập hợp gửi lên phòng kế toán (Purchaser sẽ dùng liên 3 kẹp với bản copy hóa đơn, purchase order để làm thanh toán).

b. Biểu mẫu phiếu nhập kho:

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>-----oOo-----</p>					
<p>Tên Cty.....</p> <p>Mã phiếu:.....</p>					
<p>PHIẾU NHẬP KHO</p>					
<p>- Tên Công ty giao:.....</p> <p>- Mã Cty:.....</p> <p>- Địa chỉ:.....</p> <p>- Điện thoại:.....</p> <p>- Ngày nhập kho:</p> <p>- Tên kho:.....</p> <p>- Mã kho:.....</p>					
STT	Tên vật tư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền

c. Chuẩn hóa các thực thể:

NHẬP KHO			
Thuộc tính chưa chuẩn hóa	Chuẩn hóa dạng 1 1NF	Chuẩn hóa dạng 2 2NF	Chuẩn hóa dạng 3 3NF
-Mã phiếu nhập	-Mã phiếu nhập	-Mã phiếu nhập	<u>-Mã phiếu nhập</u>
-Mã Cty	-Mã Cty	-Mã Cty	-Mã Cty
-Tên Cty giao	-Tên Cty giao	-Mã kho	-Mã kho
-Địa chỉ	-Địa chỉ	-Tên Cty giao	-Ngày nhập kho
-Điện thoại	-Điện thoại	-Địa chỉ	<u>-Mã Cty</u>
-Ngày nhập kho	-Ngày nhập kho	-Điện thoại	-Tên Cty giao
-Mã kho		-Ngày nhập kho	-Địa chỉ
-Tên Kho	-Mã phiếu nhập	-Mã phiếu nhập	-Điện thoại
-Mã vật tư	-Mã vật tư	-Mã vật tư	<u>-Mã phiếu nhập</u>
-Tên vật tư	-Tên vật tư	-Đơn vị tính	<u>-Mã vật tư</u>
-Đơn vị tính	-Đơn vị tính	-Số lượng	-Đơn vị tính
-Số lượng	-Số lượng	-Đơn giá	-Số lượng
-Đơn giá	-Đơn giá	-Mã vật tư	-Đơn giá
		-Tên vật tư	<u>-Mã vật tư</u>
	-Mã phiếu nhập	-Mã kho	-Tên vật tư
	-Mã kho	-Tên kho	<u>-Mã kho</u>
	Tên kho		-Tên kho

d. Mô hình thực thể sau khi chuẩn hóa:

Sau quá trình chuẩn hóa các thực thể ta rút ra được các thực thể sau: PHIẾU NHẬP, CÔNG TY GIAO, CHI TIẾT PHIẾU NHẬP, VẬT TƯ, KHO.

Ma trận thực thể /khóa:

Để xác định các mối quan hệ trong mô hình ta lập bảng ma trận thực thể khóa trong đó các cột liệt kê các tập thực thể, các hàng liệt kê các thuộc tính khóa có trong các tập thực thể.

	PhieuNhapKho	ChiTietPhieuNhap	KhoHang	CongTy	VatTu
MaPhieuNhap	X	X			
MaVatTu		X			X
MaCty	O			X	
MaKho	O		X		

Căn cứ vào bảng thực thể/khóa ta có các mối quan hệ sau:

a) Tập thực thể PhieuNhapKho có các mối quan hệ sau:

PhieuNhapKho <- ChiTietPhieuNhap

b) Tập thực thể ChiTietPhieuNhap có các mối quan hệ:

ChiTietPhieuNhap <- VatTu

c) Tập thực thể KhoHang có các mối quan hệ:

KhoHang <- PhieuNhapKho

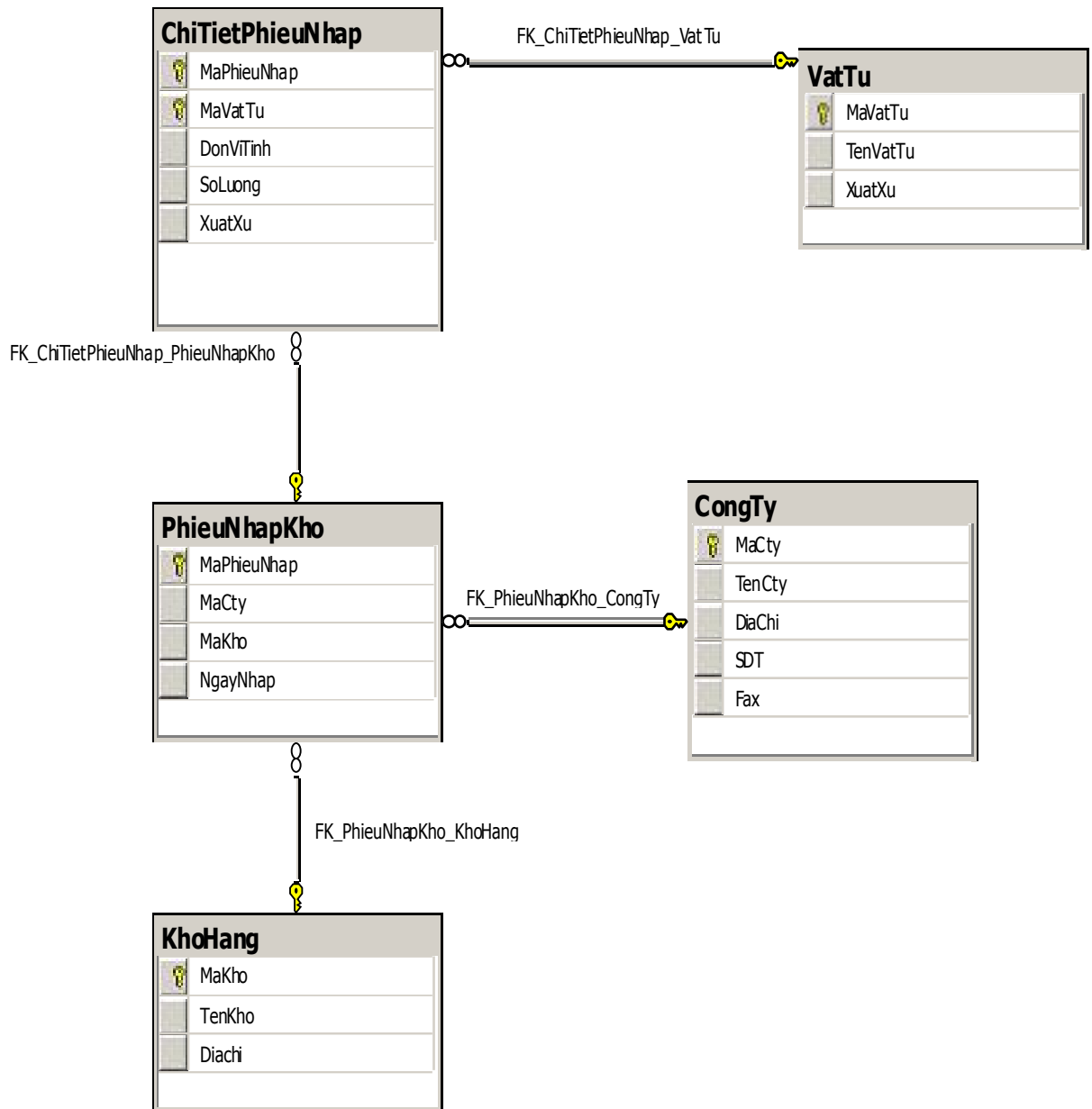
d) Tập thực thể CongTy có các mối quan hệ:

CongTy <- PhieuNhapKho

e) Tập thực thể VatTu có các mối quan hệ:

VatTu <- ChiTietPhieuNhap

Sơ đồ quan hệ giữa các thực thể:

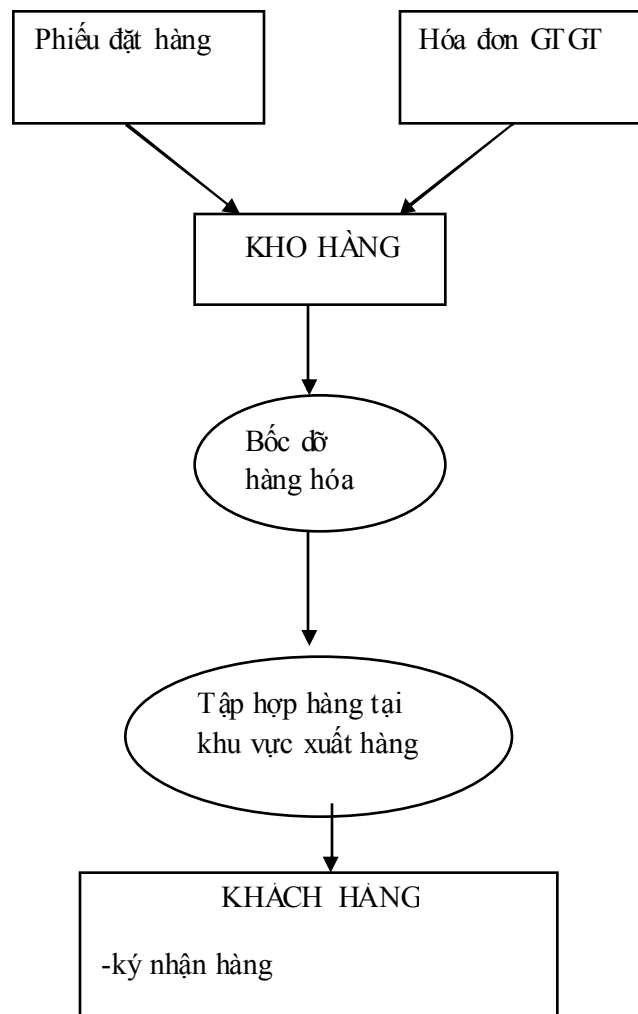


2.2.2 Nghiệp vụ xuất kho

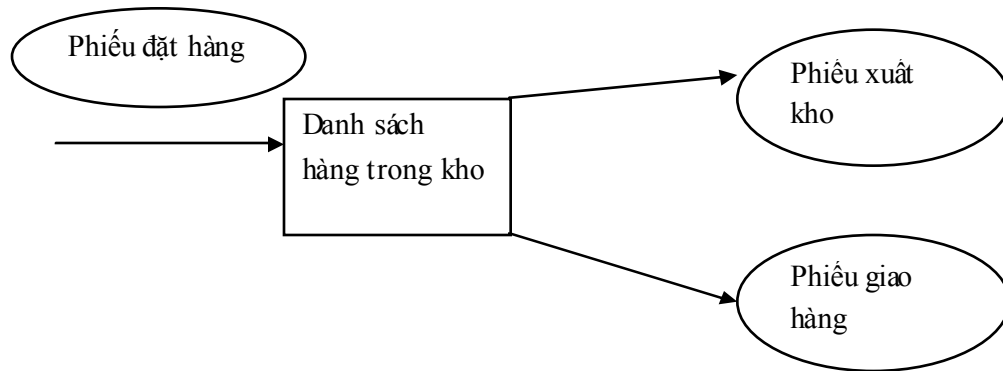
a. Mô tả nghiệp vụ:

- Phiếu đặt hàng và hóa đơn giá trị gia tăng từ văn phòng chuyển xuống kho hàng hóa
- Nhân viên kho tiến hành bốc dỡ và tập hợp hàng hóa xuất theo phiếu đặt hàng tại khu vực xuất hàng
- Hàng hóa xuất được xếp lên xe.
- Khách hàng ký nhận hàng hóa và nhận hóa đơn giá trị gia tăng.

b. Sơ đồ chức năng (BFD)



c. Sơ đồ dòng dữ liệu DFD:



d. Mẫu phiếu xuất kho:

STT	Tên vật tư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền

e. Chuẩn hóa các thực thể:

XUẤT KHO			
Thuộc tính chưa chuẩn hóa	Chuẩn hóa dạng 1 1NF	Chuẩn hóa dạng 2 2NF	Chuẩn hóa dạng 3 3NF
-Mã phiếu xuất -Mã KH -Tên khách hàng -Địa chỉ -Điện thoại -Ngày xuất kho -Mã kho -Tên Kho -Mã vật tư -Tên vật tư -Đơn vị tính -Số lượng -Đơn giá	-Mã phiếu xuất -Mã KH -Tên khách hàng -Địa chỉ -Điện thoại -Ngày xuất kho -Mã phiếu xuất -Mã vật tư -Tên vật tư -Đơn vị tính -Số lượng -Đơn giá -Mã phiếu xuất -Mã kho Tên kho	-Mã phiếu xuất -Mã KH -Mã kho -Tên khách hàng -Địa chỉ -Điện thoại -Ngày xuất kho -Mã phiếu xuất -Mã vật tư -Đơn vị tính -Số lượng -Đơn giá -Mã vật tư -Tên vật tư -Mã kho -Tên kho	- <u>Mã phiếu xuất</u> -Mã KH -Mã kho -Ngày xuất kho - <u>Mã KH</u> -Tên khách hàng -Địa chỉ -Điện thoại - <u>Mã phiếu xuất</u> - <u>Mã vật tư</u> -Đơn vị tính -Số lượng -Đơn giá - <u>Mã vật tư</u> -Tên vật tư - <u>Mã kho</u> -Tên kho

f. Mô hình thực thể sau khi chuẩn hóa:

Sau quá trình chuẩn hóa các thực thể ta rút ra được các thực thể sau: PHIẾU XUẤT, KHÁCH HÀNG, CHI TIẾT PHIẾU XUẤT, VẬT TƯ, KHO.

Ma trận thực thể /khóa:

Để xác định các mối quan hệ trong mô hình ta lập bảng ma trận thực thể khóa trong đó các cột liệt kê các tập thực thể, các hàng liệt kê các thuộc tính khóa có trong các tập thực thể.

	PhieuXuatKho	ChiTietPhieuXuat	KhoHang	KhachHang	VatTu
MaPhieuXuat	X	X			
MaVatTu		X			X
MaKH	O			X	
MaKho	O		X		

Căn cứ vào bảng thực thể/khóa ta có các mối quan hệ sau:

a) Tập thực thể PhieuXuatKho có các mối quan hệ sau:

PhieuXuatKho <- ChiTietPhieuXuat

PhieuXuatKho <- KhachHang

PhieuXuatKho <- KhoHang

b) Tập thực thể ChiTietPhieuXuat có các mối quan hệ sau:

ChiTietPhieuXuat <- PhieuXuatKho

ChiTietPhieuXuat <- MaVatTu

c) Tập thực thể KhoHang có các mối quan hệ sau:

KhoHang <- PhieuXuatKho

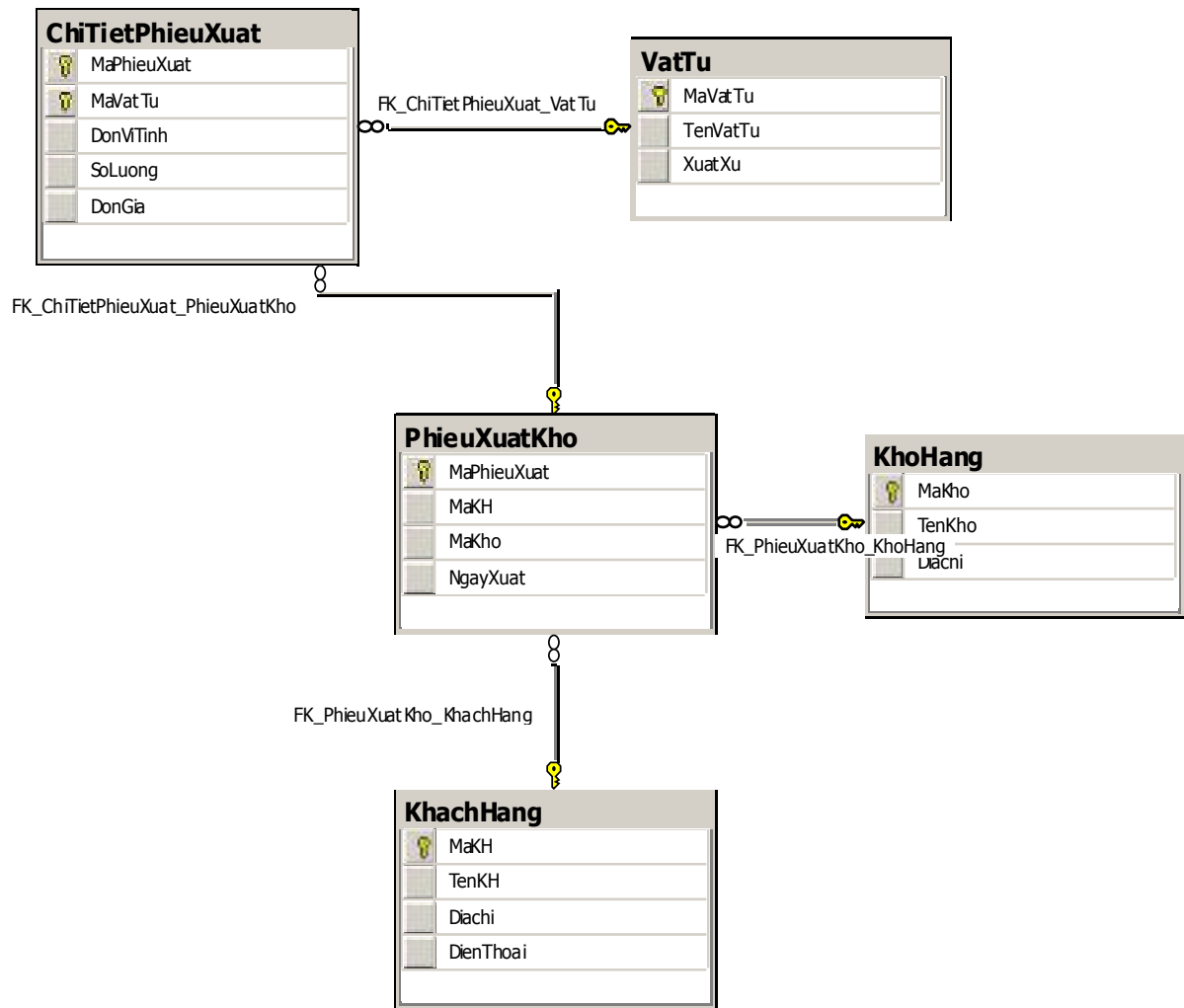
d) Tập thực thể KhachHang có các mối quan hệ sau:

KhachHang <- PhieuXuatKho

e) Tập thực thể VatTu có các mối quan hệ sau:

VatTu <- ChiTietPhieuXuat

Sơ đồ quan hệ giữa các thực thể:



2.2.3 Nghiệp vụ kiểm kê:

a. Trách nhiệm:

Bộ phận bán hàng của Phòng kinh doanh, Thủ kho, kế toán kho có nhiệm vụ và trách nhiệm phải kiểm kê các kho hàng theo định kỳ ít nhất mỗi tháng một lần hoặc khi có yêu cầu đột xuất của Ban tổng giám đốc, Giám đốc kinh doanh (Có thể tiến hành kiểm kê theo từng loại hàng hóa, theo từng đợt – cuốn chiếu).

b. Phương pháp:

Bộ phận quản lý tồn kho trên máy vi tính của Phòng kinh doanh sẽ in số lượng hàng tồn và yêu cầu Thủ kho hàng hóa tổ chức công tác kiểm kê (cân, đóng, đo, đếm, ...) số lượng hàng hóa thực tế còn tồn trong kho sau đó ghi chép vào biên

bản kiểm kê kho hàng hóa và báo cáo lại cho Ban Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Kinh Doanh.

Dựa vào sơ đồ quan hệ giữa các bảng, các khóa chính – khóa ngoại ta có thể truy vấn dữ liệu để biết số lượng vật tư đã xuất – nhập trong ngày, tháng quý, năm... trên cơ sở ngày xuất – nhập.

2.2.4 Nghiệp vụ báo cáo kho:

a. Mục đích

- Báo cáo Ban lãnh đạo tình hình hàng hóa trong kho vào các thời điểm kết sổ hoặc theo yêu cầu từ Ban lãnh đạo

b. Yêu cầu

- Xác định rõ số lượng và giá trị của từng loại hàng hóa, loại hàng hóa có trong từng kho
- Xác định lượng và giá trị hàng hóa ra, vào kho trong kỳ
- Xác định xuất xứ của hàng hóa nhập và nơi đến của hàng hóa xuất

c. Mô tả

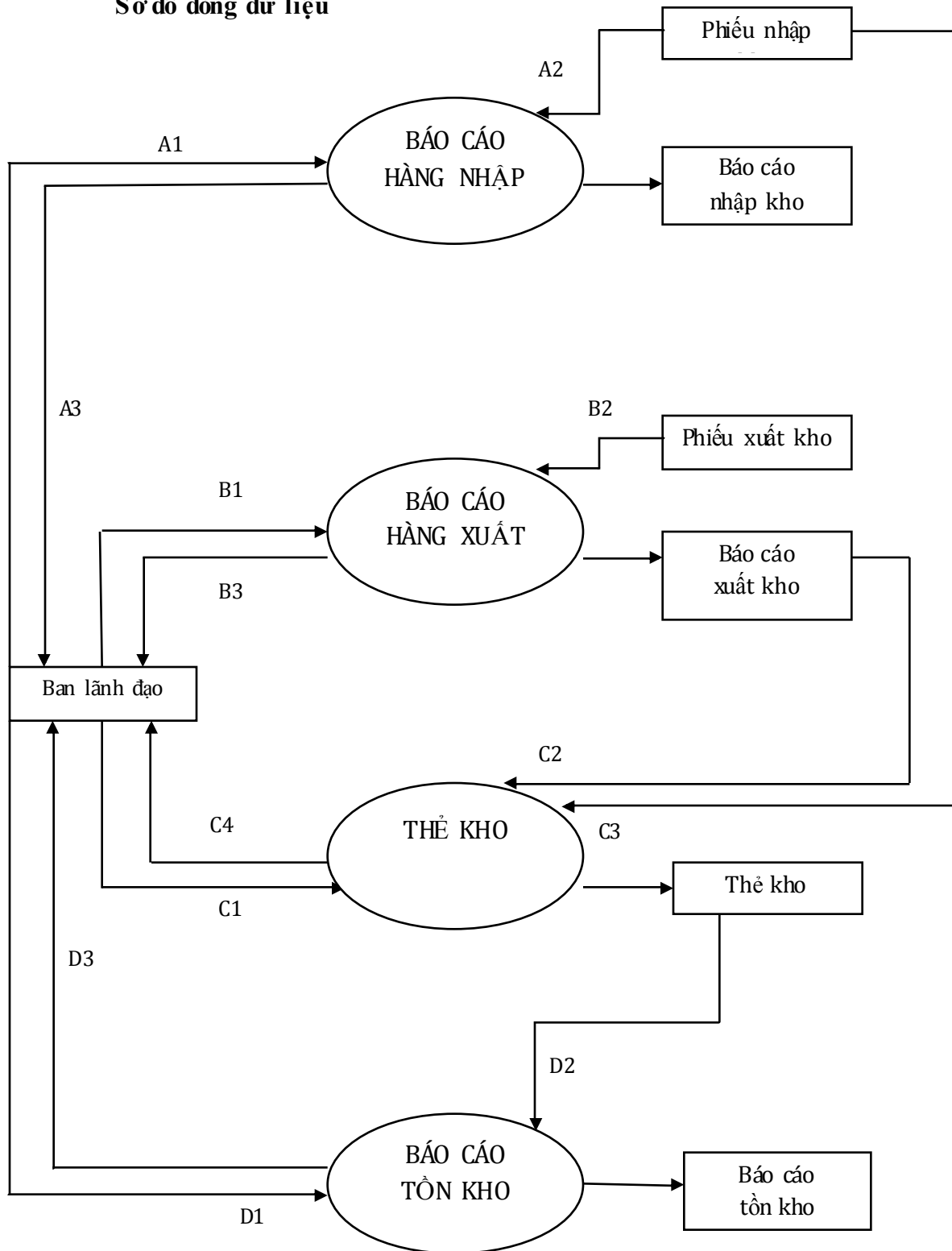
- Báo cáo hàng nhập: cuối tháng thủ kho làm báo cáo về lượng hàng nhập về trong tháng
- Báo cáo hàng xuất: cuối tháng thủ kho làm báo cáo về lượng hàng xuất kho trong tháng
- Thẻ kho: dựa vào lượng hàng nhập và lượng hàng xuất để lập các thẻ kho cho biết lượng hàng tồn kho trong ngày.
- Báo cáo tồn kho: dựa vào các thẻ kho để xem tất cả các mặt hàng trong tháng nhập bao nhiêu, xuất bao nhiêu, tồn bao nhiêu.

d. Lưu đồ

Sơ đồ chức năng

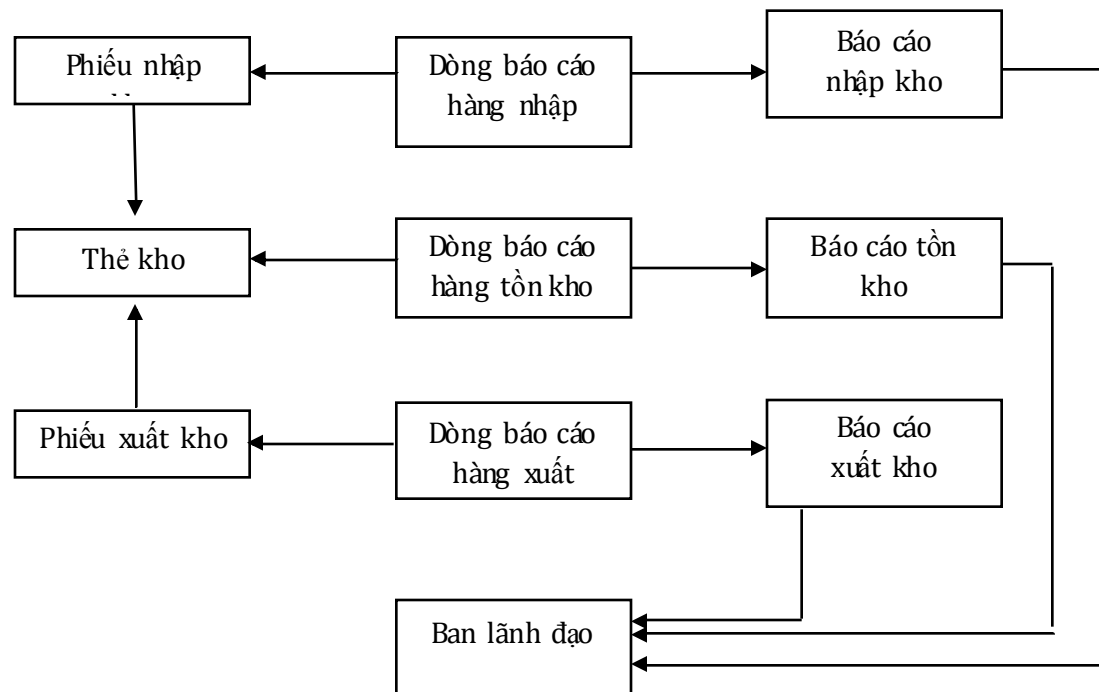


Sơ đồ dòng dữ liệu



- A1: Ban lãnh đạo yêu cầu báo cáo hàng nhập kho
- A2: Lấy dữ liệu từ phiếu nhập kho để xác định hàng hóa nhập trong kỳ
- A3: Gửi Ban lãnh đạo báo cáo hàng hóa nhập trong kỳ
- B1: Ban lãnh đạo yêu cầu báo cáo hàng xuất kho
- B2: Lấy dữ liệu từ phiếu xuất kho để xác định hàng hóa xuất trong kỳ
- B3: Gửi Ban lãnh đạo báo cáo hàng hóa xuất trong kỳ
- C1 Ban lãnh đạo yêu cầu lập thẻ nhập kho
- C2, C3: Lấy dữ liệu từ phiếu nhập kho và phiếu xuất kho để lập thẻ kho
- C4: Gửi Ban lãnh đạo thẻ kho
- D1: Ban lãnh đạo yêu cầu báo cáo hàng tồn kho
- D2: Lấy dữ liệu từ thẻ kho để xác định hàng hóa trong kho cuối kỳ
- D3: Gửi Ban lãnh đạo báo cáo hàng hóa tồn kho cuối kỳ

Mô hình dữ liệu ban đầu hoàn chỉnh:



Mẫu biểu

a. Báo cáo nhập hàng hóa trong kỳ

BÁO CÁO HÀNG HÓA NHẬP KHO

Từ ngày..... đến ngày

STT	Kho	Mặt hàng	Công ty	Ngày nhập	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá trị

b. Báo cáo xuất hàng hóa trong kỳ

BÁO CÁO HÀNG HÓA XUẤT KHO

Từ ngày..... đến ngày

STT	Kho	Mặt hàng	Khách hàng	Ngày xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá trị

c. Báo cáo hàng tồn kho cuối kỳ

BÁO CÁO HÀNG HÓA TỒN KHO

Từ ngày đến ngày

ST T	K ho	Mặt hàng	Đ VT	Đơn giá	Đầu kỳ		Nhập		Xuất		Cuối kỳ	
					Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị

CHƯƠNG III:

Ý nghĩa của việc phân tích nghiệp vụ quản lý kho.

Việc quản lý kho vật tư hàng hóa có ý nghĩa rất lớn để người quản lý doanh nghiệp biết được số vốn đang ứ đọng trong kho, mặt hàng nào chậm tiêu thụ... Hơn nữa, báo cáo còn là tài liệu quan trọng để có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, giảm được số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của pháp luật.

Trước hết, với công tác quản lý Doanh nghiệp, do báo cáo tồn kho không chính xác nên không ít trường hợp đã ký hợp đồng bán hàng nhận tiền ứng trước nhưng sau đó mới "giật mình" vì trong kho không còn hoặc không đủ hàng để giao. Thế là phải chạy đôn, chạy đáo đi mua đắt để bán rẻ hoặc chịu phạt vi phạm hợp đồng

Sử dụng báo cáo hàng tồn kho để kiểm tra, xác định lại doanh thu bán hàng trong kỳ còn là biện pháp rất hữu hiệu của cơ quan thuế. Một Doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu đã bị truy thu và phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế gần ba tỷ đồng chỉ vì cái báo cáo tồn kho đã... "lây ông tôi ở bụi này". Xăng, dầu là mặt hàng khi bán không phải ai cũng cần hóa đơn. Vì vậy, khi bán không phải xuất hóa

đơn, Doanh nghiệp không khai doanh thu. Lượng hàng đã bán đương nhiên vẫn là hàng "tồn kho". Dung tích tối đa của bồn chứa chỉ được 500 tấn. Nhưng, trên báo cáo tồn kho cuối năm, số tồn kho lại là 1.200 tấn. Khi cán bộ thuế yêu cầu giải trình về 700 tấn đang để ở đâu, nếu gửi ở nơi khác thì xuất trình tài liệu chứng minh. Doanh nghiệp đành bó tay xin chịu. Và 700 tấn xăng, dầu chênh lệch được coi là đã bán nhưng không khai báo thuế. Việc xác định lại số doanh thu, số thuế GTGT phải nộp, số nộp phạt và số thuế thu nhập Doanh nghiệp tăng thêm không có gì khó khăn. Kết quả là, Doanh nghiệp đành ký biên bản nộp truy thu và phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế tới hàng tỷ đồng

Như vậy xây dựng một hệ thống thông tin quản lý kho hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp tránh được nhiều rắc rối về khai báo thuế cũng như những rủi ro cho việc kinh doanh

Phân tích nghiệp vụ quản lý kho một cách chi tiết và chính xác sẽ cho ra một cơ sở dữ liệu hữu ích trong việc thiết kế một hệ thống thông tin quản lý kho hiệu quả nhất, không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, nhân lực, thời gian của công việc hậu cần mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh doanh.



KẾT LUẬN

Những bài học và thực tiễn tổ chức hệ thống thông tin quản lý kho

Quản trị kho hàng là một trong những khâu không thể thiếu trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Sản phẩm được lấy ra từ đâu, lấy bao nhiêu, kho hàng so với trung tâm phân phối như thế nào, vận chuyển hàng hóa ra sao... Tất cả không thể diễn ra một cách tự phát mà cần có những kỹ năng sự phân tích và thực hiện sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

Theo Hiệp hội Kho vận Giao nhận Việt Nam, hầu hết các doanh nghiệp đang có hệ thống kho hàng đều chưa có điều kiện tuyển dụng Quản lý và Nhân viên qua đào tạo bài bản, tỷ lệ nhân viên được đào tạo chuyên ngành Quản lý Kho hàng và Tồn trữ chỉ đạt dưới 3%. Có nhiều lý do dẫn đến vấn đề, nguyên nhân trước hết phải nói đến là các doanh nghiệp thường chưa để ý đến việc quản lý hiệu quả hàng hóa tồn trữ cũng như khai thác tối ưu kho bãi của mình; thứ hai, việc áp dụng công nghệ trong quản lý hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam vẫn ở mức rất thô sơ, chủ yếu bằng thủ công và các hệ thống tự tạo. Trong khi đó, trên thực tế kho hàng là cả một khối tài sản khổng lồ của doanh nghiệp, chiếm một số vốn lưu động và cố định có tỷ lệ cao trong tổng tài sản doanh nghiệp.

Một giải pháp quản lý kho hiệu quả có thể giúp giảm thiểu không gian lưu trữ, thừa hưởng thông tin giữa các ứng dụng quản lý khác nhau, hỗ trợ liệt kê các đơn hàng, xuất báo cáo về kho bãi... Trong trường hợp có nhiều kho bãi ở những vị trí khác nhau, giải pháp cần có thêm tính năng quản lý qua web.

Ông Pieter Hamans, chuyên gia tư vấn vùng châu Á – Thái Bình Dương của Exact Software cho biết những thách thức chính hiện nay trong lĩnh vực quản lý kho bãi là phải thực hiện giao nhận nhanh chóng, chính xác trên cơ sở một hệ thống thông tin được tích hợp giữa các bộ phận vận hành trong một doanh nghiệp (Doanh nghiệp) và các đối tác bên ngoài (khách hàng và nhà cung cấp).

Việc quản lý hiệu quả làm việc của đội ngũ nhân viên trong kho bãi có những đòi hỏi khắt khe. Vào thời điểm bất kỳ, người quản lý cần biết: nhân viên đang làm gì trong kho hàng, làm việc đó như thế nào, mức độ đúng sai của công việc... Người quản lý phải biết cách tối ưu hóa không gian trong kho, tại các vị trí bốc xếp, phải vận

chuyển và sắp xếp hàng hóa càng nhanh càng tốt và tối ưu nhất. Việc này liên quan đến cả 2 nơi nhận hàng về và xuất hàng đi. Người quản lý phải biết hàng xếp ở kệ nào để lấy ra nhanh chóng, kệ nào trống để đưa hàng mới nhận về... Với một Doanh nghiệp sản xuất có hàng trăm loại vật tư khác nhau thì quản lý kho một cách chuẩn xác có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, liên quan đến chi phí hoạt động của Doanh nghiệp.

Khi khách hàng có yêu cầu, việc đáp ứng nhanh và chính xác là vấn đề sống còn. Rất nhiều mặt hàng lưu kho có lưu thông tin xuất xứ của hàng hóa (bên trong và bên ngoài các kiện hàng) thông qua các chuẩn mã vạch quốc tế như EAN-13, EAN-8, UPC-A, Code-128, UCC-128, Serial Shipment Container Code (SSCC – số mã container vận chuyển), hoặc có hỗ trợ EDI (Electronic Data Interchange – số liệu chuyển đổi dữ liệu điện tử)... Những thông số này sẽ giúp công tác quản lý hàng hóa trong kho thuận tiện, chặt chẽ hơn. Theo ông Pieter Hamans, thị trường có nhiều nhà cung cấp các thiết bị mã vạch hoặc phần mềm (PM) quản lý kho bãi đơn lẻ, Doanh nghiệp không gặp nhiều khó khăn khi chọn cho mình một giải pháp tốt. Tuy nhiên, lựa chọn một giải pháp quản lý kho tích hợp được với các hệ thống quản lý khác sẽ giúp Doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý hàng hóa.

Để thiết kế hệ thống thông tin quản lý thích hợp, trước hết hãy căn cứ vào quy mô công ty. Người quản lý có thể sử dụng những phần mềm để kiểm tra hàng, hoặc thuê những chuyên viên đến kiểm tra kho. Ví dụ trong những quán rượu, người ta thường thuê 1 bên thứ 3 đến tính toán và cân đối lượng bán và lượng tồn kho để đảm bảo rằng nhân viên của họ không tiếp đãi quá nồng hậu với bạn bè hay người thân hơn khách hàng bình thường.

Lại là một vấn đề về dòng ngân lưu. Nếu bạn không tính toán kỹ số tiền phải đầu tư cho kho bãi, có nghĩa là bạn đã đầu tư sai mục tiêu. Đó là lý do tại sao nhiều công ty áp dụng mô hình “Just in time” để đảm bảo rằng lượng sản xuất vừa đủ cung ứng nhu cầu của khách hàng, và từ đó tiết giảm được chi phí cho kho bãi và giảm số lượng phế phẩm.

Ghi chú: Hệ thống quản lý hàng tồn kho “Just In Time” được phát triển bởi công ty Toyota Nhật bản vào những năm 90. Để thử cùng tìm hiểu hệ thống quản lý hàng tồn kho “Just In Time” trong hệ thống sản xuất Toyota, trước hết cần phân biệt được hai khái niệm sản xuất truyền thống là tinh xảo (craft) và đại trà (mass). Sản xuất tinh

xảo thường sử dụng các công nhân cực kỳ lành nghề cùng với những công cụ đơn giản nhưng linh hoạt (đặc biệt trong các ngành nghề thủ công) để tạo ra từng sản phẩm theo ý khách hàng. Chất lượng của hình thức sản xuất này tốt, tuy nhiên giá thành rất cao là yếu tố làm thu hẹp thị trường.

Sản xuất đại trà sử dụng công nhân có tay nghề bậc trung vận hành các máy công nghiệp đơn nặng tạo ra các sản phẩm được tiêu chuẩn hoá với số lượng rất lớn. Kết quả là giá thành giảm.

Toyota Motor đã kết hợp 2 phương thức sản xuất tinh xảo và đại trà, loại bỏ các yếu điểm về giá thành và sự chặt chẽ công nghiệp, cho ra đời một phương thức sản xuất mới với đội ngũ công nhân có tay nghề cao được trang bị hệ thống máy móc linh hoạt, đa năng, có khả năng sản xuất với nhiều mức công suất. Phương thức này được đánh giá là sử dụng ít nhân lực hơn, ít diện tích hơn, tạo ra ít phế phẩm hơn, và sản xuất được nhiều loại sản phẩm hơn hình thức sản xuất đại trà.

Chiến lược Just-In-Time (JIT) được gói gọn trong một câu: “Đúng sản phẩm với đúng số lượng tại đúng nơi vào đúng thời điểm”. Trong sản xuất hay dịch vụ, mỗi công đoạn của quy trình sẽ sản xuất ra một số lượng đúng bằng số lượng mà công đoạn sản xuất tiếp theo cần tới. Dư thừa tồn kho và lao động được hạn chế tối đa, qua đó tăng năng suất và giảm chi phí. Điều này cũng đúng với giai đoạn cuối cùng của quy trình sản xuất, tức là hệ thống chỉ sản xuất ra cái mà khách hàng muốn.

Bản chất của hệ thống JIT là một dòng sản phẩm đều đặn đi qua hệ thống với lượng tồn kho nhỏ nhất..

Tuy nhiên việc sử dụng mô hình Just-In-Time đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà sản xuất và nhà cung cấp, bởi vì bất kỳ một sự gián đoạn nào cũng có thể gây thiệt hại cho nhà sản xuất vì sẽ phải chịu những tổn thất phát sinh do việc ngừng sản xuất.

Hao mòn hữu hình ý là một trong những yếu tố không thể bỏ qua của quản lý kho. Một máy dù mới mua về, lúc đó là tân tiến nhất, ngay cả công suất tốt nhất thì sau 1 khoảng thời gian, dù chưa hề sử dụng, chất lượng vẫn như ban đầu nhưng nó đã bị lạc hậu do không có nhiều ứng dụng và cải tiến so với máy sản xuất đời sau. Đây là dạng hao mòn mà chính trình độ phát triển của con người là nguyên nhân trực tiếp gây ra.

Dù có kinh doanh trong lĩnh vực nào thì dự trữ quá nhiều hàng tồn kho cũng là một điều nên tránh. Nó làm tổn chi phí, dịch vụ để bảo quản kho, thuế đóng tính trên từng sản phẩm chưa bán được, và mua bảo hiểm với giá cao hơn. Theo tính toán thì 1 doanh nghiệp bán lẻ thường phải tốn từ 20% đến 30% cho chi phí lưu kho lưu bãi.

Hãy xem xét 1 ví dụ của một cửa hàng bán lẻ máy tự động. Anh ta có cơ hội mua 1000 gallons hóa chất chống đông tủ lạnh với mức giá ưu đãi. Nếu anh ấy đồng ý mua, mang tính hài hước 1 chút, nghĩa là anh ta trở thành 1 nhà đầu tư “lạnh” mạo hiểm, bởi vì anh ta sẽ ngồi trên các hóa chất đó mà suy nghĩ. Mặc dù anh ta biết mình sẽ bán được các sản phẩm này vào mùa đông năm tới, nhưng anh ta cần 1 nhà kho đủ tiêu chuẩn để chứa nó, mà việc đầu tư cho nhà kho này có thể còn tốn chi phí hơn kinh doanh 1 mặt hàng khác.

Khi đối mặt với tình trạng dư thừa hàng tồn kho, một hành động mà bạn hay nghĩ tới ban đầu là giảm giá và thanh lý chúng. Đương nhiên trong bảng báo cáo tài chính, bạn phải ghi nguyên giá tài sản, nhưng thực ra bạn phải giảm 15% đến 25% để tránh tình trạng ứ đọng hàng hóa, bạn phải chịu 1 khoản lỗ. Mặc dù đây không phải là giải pháp tốt nhất, nhưng nó giúp bạn lấy được 1 phần vốn đã bỏ ra, còn hơn là duy trì tình trạng này với những chi phí phát sinh.

Một cách khác để tránh tình trạng này là đặt 1 lượng hàng ít hơn dự tính, nhưng nó lại đứng trước 1 nguy cơ cung không đủ cầu. Do đó, cần thiết phải dự đoán chính xác lượng cầu và chỉ đặt sản xuất đối với những hàng hóa mà bạn chắc chắn mình sẽ tiêu thụ được.

Hệ thống quản lý kho là một phần quan trọng của chuỗi cung ứng và với mục đích chủ yếu là kiểm soát việc vận chuyển, lưu trữ vật tư tại kho trong mối quan hệ với các giao dịch kinh doanh.

Hệ thống này có thể được thiết kế độc lập với hệ thống quản lý chung của doanh nghiệp như ERP. Hệ thống quản lý kho thường sử dụng công nghệ Auto ID Data Capture (AIDC), như máy quét mã vạch, máy tính di động, mạng LAN không dây và có khả năng nhận dạng tần số vô tuyến (RFID) để theo dõi hiệu quả dòng chảy của hàng hóa vật tư. Một khi dữ liệu được thu thập sẽ được gửi đến cơ sở dữ liệu trung tâm. Cơ sở dữ liệu sau đó có thể cung cấp các báo cáo hữu ích về tình trạng hàng hoá trong kho.

Mục tiêu cao nhất của một hệ thống quản lý kho hàng là cung cấp một hệ thống quy trình tin học hóa để xử lý các thủ tục nhập, xuất, kiểm kê và báo cáo trong khoản thời gian nhanh nhất với chi phí thấp nhất. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý kho đã tạo ra bước đột phá cho ngành công nghiệp bán lẻ, đặc biệt ngày nay với sự xuất hiện của ngành bán hàng trực tuyến trên mạng. Quản lý kho không chỉ là quản lý trong ranh giới của nhà kho mà nó còn tham gia vào các giao dịch.

Trong thời đại cách mạng khoa học hiện nay, một số nhà kho đã được tự động hóa, không có công nhân làm việc bên trong. Hàng hóa vật tư được xuất nhập kho một cách tự động bằng hệ thống băng chuyền điều khiển bởi hệ thống phần mềm được lập trình. Hệ thống này thường được sử dụng trong các nhà kho đông lạnh nơi mà nhiệt độ đòi hỏi rất thấp để giữ cho sản phẩm không bị hỏng.

Để đạt được mức ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý đạt đến trình độ này, các doanh nghiệp việc còn cả một chặng đường dài để phấn đấu.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “Tổ chức hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp” (THS. NGUYỄN VĂN NĂM, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường ĐH Kinh Tế TP HCM)
2. <http://dantri.com.vn/c25/s201-419260/quan-tri-kho-hang-quan-tri-nguon-doanh-nghiep.htm>
3. <http://www.sapuwat.com.vn/?job=31&id=4929&nn=0>
4. Wikipedia, Warehouse management system
(http://en.wikipedia.org/wiki/Warehouse_management_system)
5. “Collaboration Engineering with ThinkLets to Pursue Sustained Success with Group Support Systems,” (Robert O. Briggs, Gert-Jan de Vreede, and Jay F. Nunamaker Jr)
6. “The warehouse management handbook” (Second edition, James A. Tompkins, Ph.D. Jerry D. Smith)
7. “Practical handbook of warehousing” (Fourth Edition, Kenneth B. Ackerman)
8. “Warehouse distribution & operations handbook” (1994, McGraw-Hill)